

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2024/KDTM-ST

Ngày: 06/6/2024

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Tụ;
- Bà Đỗ Thị Thúy Nga.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 284/2023/TLST-KDTM ngày 27/11/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5488/2024/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 6616/2024/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đ.

Trụ sở: Số 07 Khu phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Trần Thu N, sinh năm 1999.

Địa chỉ liên hệ: Số 233 N, Phường E, Quận S, Tp. Hồ Chí Minh, (Theo Giấy ủy quyền số 68/2023/UQ-PC/TMĐT ngày 31/10/2023).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư Xây dựng N.

Trụ sở: Số 06-08 T, phường T, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn:

1. Ông Từ H, sinh năm 1956;

Địa chỉ: 80/22 N, Phường B, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 109/7 Đường A, Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 22/12/2023)

Phiên tòa vắng mặt đại diện của bị đơn. Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, tại các bản khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử, bà Võ Trần Thu N là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đ trình bày:

Vào ngày 29/8/2022, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đ (gọi tắt là Nguyên đơn) ký Hợp đồng mua bán số 15/22/HĐTM-C 9 trị giá 661.800.897 đồng với Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư Xây dựng N (gọi tắt là Bị đơn). Theo nội dung hợp đồng, Nguyên đơn chịu trách nhiệm cung cấp các sản phẩm vật liệu xây dựng mang thương hiệu Đ cho Bị đơn để thi công Công trình Khu du lịch B - H tại xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Thực hiện hợp đồng, ngày 30/9/2022, Nguyên đơn đã giao hàng đầy đủ số lượng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho toàn bộ hàng hóa đúng theo quy định cho Bị đơn. Số lượng hàng hóa đã giao đều được đại diện của Nguyên đơn và Bị đơn ký xác nhận tại các Biên bản giao nhận hàng và hóa đơn giá trị gia tăng đính kèm.

Ngày 17/10/2022, Nguyên đơn và Bị đơn tiếp tục ký kết Phụ lục hợp đồng số 15/22/HĐTM-C 9-PL01 trị giá 102.597.866 đồng (Sau đây gọi tắt là “Phụ lục hợp đồng”) về việc bổ sung số lượng hàng hóa để thi công công trình.

Thực hiện Phụ lục hợp đồng, ngày 18/10/2022, Nguyên đơn đã tiến hành giao đúng và đủ hàng hóa theo yêu cầu của Bị đơn và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho toàn bộ hàng hóa đúng theo quy định của Phụ lục Hợp đồng cho Bị đơn. Số lượng hàng hóa đã giao đều được đại diện của Nguyên đơn và Bị đơn ký xác nhận tại các Biên bản giao nhận hàng và hóa đơn giá trị gia tăng đính kèm.

Ngày 01/11/2022, Nguyên đơn đã bàn giao hồ sơ đề nghị thanh toán cho Bị đơn theo bảng giao nhận hóa đơn đính kèm. Theo quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng thì “Bên A (Bị đơn) thanh toán cho Bên B (Nguyên đơn) 100% giá trị từng đợt giao hàng trong vòng 30 ngày sau khi Bên A (Bị đơn) nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B (Nguyên đơn)”. Theo đó, Bị đơn phải hoàn tất thanh toán toàn bộ số tiền hàng của Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng là 764.398.763 đồng cho Nguyên đơn chậm nhất đến hết ngày 01/12/2022.

Tuy nhiên đến nay, Bị đơn chỉ thanh toán cho Nguyên đơn số tiền đặt cọc vào ngày 30/9/2022 là 67.000.000 đồng và còn nợ số tiền nợ gốc là 697.398.763 đồng. Bị đơn đã xác nhận dư nợ này theo Biên bản đối chiếu công nợ và các hoá đơn giá trị gia tăng.

Nguyên đơn đã nhiều lần gửi công văn nhắc nợ, yêu cầu Bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nhưng Bị đơn không có thiện chí chi trả. Do đó, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Bị đơn thanh toán ngay một lần cho Nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2023 là 767.278.119 đồng (bao gồm nợ gốc: 697.398.763 đồng; nợ lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng là 0.03%/ngày, tạm tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/10/2023 là: 69.879.356 đồng).

Sau khi vụ án được thụ lý, ngày 01/02/2024, Bị đơn đã thanh toán thêm cho Nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Bị đơn thanh toán ngay một lần cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/6/2024 là 750.829.218 đồng (bao gồm nợ gốc: 637.398.763 đồng; nợ lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng là 0.03%/ngày là: 113.430.455 đồng).

** Theo bản khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử, Người đại diện hợp pháp của Bị đơn - Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư Xây dựng N là ông Nguyễn Tự T trình bày:*

Bị đơn xác nhận và thống nhất với lời trình bày của Nguyên đơn về việc ký kết và thực hiện Hợp đồng mua bán số 15/22/HĐTM-C 9 ngày 29/8/2022 và Phụ lục hợp đồng số 15/22/HĐTM-C 9-PL01 ngày 17/10/2022.

Bị đơn đã nhận đầy đủ hàng hóa và bộ hồ sơ đề nghị thanh toán của Nguyên đơn. Tuy nhiên, Bị đơn vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của mình.

Bị đơn xác nhận còn nợ Nguyên đơn nợ gốc số tiền là 637.398.763 đồng và nợ lãi. Do tình hình thị trường các dự án bất động sản gặp nhiều khó khăn nên Bị đơn chưa thể thanh toán ngay một lần các khoản nợ theo yêu cầu của Nguyên đơn.

Bị đơn đề xuất được Nguyên đơn miễn lãi và gia hạn thời hạn thanh toán để tạo điều kiện cho Bị đơn thực hiện thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền hàng hóa còn nợ theo Hợp đồng mua bán và Phụ lục hợp đồng, hóa đơn GTGT, biên bản đối chiếu công nợ là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Tại hợp đồng, Nguyên đơn và Bị đơn không có thỏa thuận riêng về việc lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Quận 1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng:

Nguyên đơn ủy quyền cho bà Võ Trần Thu N thay mặt Nguyên đơn; Bị đơn ủy quyền cho ông Từ H và ông Nguyễn T tự T thay mặt Bị đơn tham gia tố tụng để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Đại diện bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.2.1] Về yêu cầu Bị đơn thanh toán nợ gốc là 637.398.763 đồng.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp có cơ sở để xác định Nguyên đơn ký Hợp đồng mua bán số 15/22/HĐTM-C9 ngày 29/8/2022 trị giá 661.800.897 đồng (bao gồm 8% VAT) và Phụ lục hợp đồng số 15/22/HĐTM-C 9-PL01 ngày 17/10/2022 trị giá 102.597.866 đồng (bao gồm 8% VAT) với Bị đơn để nhận cung cấp cung cấp các sản phẩm vật liệu xây dựng mang thương hiệu Đ theo yêu cầu của Bị đơn. Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho Nguyên đơn. Theo

Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng mua bán số 15/22/HĐTM-C 9, Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán 100% tiền hàng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bị đơn đã nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nguyên đơn.

Hợp đồng được hai bên ký kết trên cơ sở sự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng nên hợp đồng có giá trị pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Nguyên đơn thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng theo Hợp đồng và Phụ lục, đã xuất 08 hóa đơn giá trị gia tăng với tổng giá trị 764.398.763 đồng. Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/5/2023 có xác nhận của đại diện Nguyên đơn và đại diện Bị đơn; xác nhận của Bị đơn tại bản khai và các biên bản phiên họp, Bị đơn xác nhận tạm tính đến ngày 30/4/2023 Bị đơn còn nợ Nguyên đơn nợ gốc số tiền 697.398.763 đồng. Bị đơn đã thanh toán thêm cho Nguyên đơn 60.000.000 đồng tiền nợ gốc vào ngày 01/02/2024 và ngừng thanh toán.

Hội đồng xét xử nhận thấy Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn lại 637.398.763 đồng là có cơ sở chấp nhận theo thỏa thuận của các bên và theo Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

[2.2.2] Về yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả:

Xét, Nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ thỏa thuận tại hợp đồng nhưng Bị đơn chỉ thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán. Bị đơn đã xác nhận công nợ và đưa ra phương án thanh toán cho Nguyên đơn nhưng không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Điều 7 Hợp đồng là 0.03%/ngày tạm tính đến ngày 06/6/2024 là 113.430.455 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: mức lãi suất này là thỏa thuận giữa hai bên và không vượt quá quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

Xét, bảng tính lãi quá hạn do Nguyên đơn giao nộp tính đến ngày 06/6/2024 thì tiền lãi Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán phù hợp với số tiền và thời gian thanh toán theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng, hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản xác nhận công nợ. Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi tạm tính đến ngày 06/6/2024 là 113.430.455 đồng là có cơ sở pháp lý. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi nguyên đơn theo hợp đồng đã ký.

[2.2.3] Về thời hạn thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu thanh toán ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét, Bị đơn không thực hiện việc thanh toán đủ số tiền còn nợ cho Nguyên đơn và có đề nghị được giảm và giãn thời gian trả nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho Nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc Bị đơn thanh toán ngay một lần tiền hàng còn nợ và tiền lãi theo yêu cầu của Nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn lại cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280; Điều 418 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 50; khoản 1 Điều 55; Điều 306 Luật Thương mại.

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đ:

Buộc Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư Xây dựng N phải có nghĩa vụ thanh toán ngay một lần cho Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đ số tiền còn lại của Hợp đồng mua bán số 15/22/HĐTM-C9 ngày 29/8/2022 và Phụ lục hợp đồng số 15/22/HĐTM-C 9-PL01 ngày 17/10/2022 là 750.829.218 đồng (bao gồm nợ gốc: 637.398.763 đồng; nợ lãi chậm trả tạm tính đến ngày 06/6/2024 là: 113.430.455 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/6/2024) cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư Xây dựng N còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng mua bán số 15/22/HĐTM-C 9 ngày 29/8/2022 và Phụ lục hợp đồng số 15/22/HĐTM-C 9-PL01 ngày 17/10/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư Xây dựng N chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch là 34.033.169 đồng.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đ không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.345.562 đồng (*Mười bảy triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0044950 ngày 27/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Cành